

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ^A742/XMST-KHCL

V/v Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van

Phủ Thọ, ngày 28 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van

(Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá gửi kèm)

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao trân trọng kính mời các nhà cung cấp tham gia chào giá và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hồi 09h00', ngày 03 / 8 /2021.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hồi 09 h15', ngày 03 / 8 /2021.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (<https://www.ximangsongthao.com.vn>) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Minh: 0963379336.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban giám đốc;
- Tổ xét giá, Tổ thẩm định;
- KHCL;
- Lưu: VT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÁO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van (Ký hiệu: XMST/2021/KTTN)

Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

Phú Thọ, tháng 7/2021

**TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Tên gói mua sắm:

Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi
tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV
trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét
van

Phương án mua sắm:

Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi
tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV
trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét
van

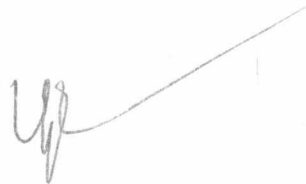
Ký hiệu gói mua sắm:

XMST/2021/KTTN

Phủ thọ, ngày 28 tháng 7 năm 2021

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM
SÔNG THAO**



Bùi Thu Phương



Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VNĐ	Đồng Việt Nam
Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV - Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van (ký hiệu: XMST/2021/KTTN).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2021.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

4. Thời gian thực hiện: Trong vòng 07 ngày theo kế hoạch sửa chữa đợt II năm 2021 của Bên A được phê duyệt.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=> Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã mua hoặc nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.
2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.
3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;
2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05A Chương III – Biểu mẫu;
4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu
5. Các cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, theo yêu cầu tại Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
6. Dự thảo hợp đồng (Nhà cung cấp điền các nội dung theo đề xuất của mình).

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
2. Nhà cung cấp phải nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá ” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn

chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá

1. Thời gian có hiệu lực của thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Bảo đảm dự chào giá: Không áp dụng

Mục 10. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”, “BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ”.

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

6. Trong hồ sơ chào giá của các đơn vị tham gia chào giá, các danh mục công việc chào giá phải được tổng hợp bằng Phụ lục và đóng quyển để thuận tiện cho Bên mời chào giá đánh giá.

Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá là: **hồi 09 giờ 00' ngày 03 tháng 8 năm 2021**. Địa chỉ Nhận hồ sơ chào giá: Phòng kế hoạch chiến lược, Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, số điện thoại liên hệ 0963379336. Bên mời chào giá sẽ không chịu trách nhiệm đối với các thư chào giá gửi không đúng địa chỉ nêu trên.

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 12. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào **hồi 09 giờ 15' ngày 03 tháng 8 năm 2021** tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 13. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 14. Nhà cung cấp phụ: (áp dụng đối với nhà cung cấp không thực hiện được một số nội dung công việc của gói mua sắm)

1. Trường hợp nhà cung cấp chính cần sử dụng nhà cung cấp phụ thì phải kê khai danh sách nhà cung cấp phụ theo Mẫu số 07a Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ ngoài danh sách nhà cung cấp phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp chính chỉ được sử dụng nhà cung cấp phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà cung cấp phụ không vượt quá 70% giá chào của nhà cung cấp.

Mục 15. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào

giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá cạnh tranh.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

Mục 16. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào thấp nhất;
6. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 17. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 18. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 19. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).

Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Bên mời chào giá:

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao: Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ (Tel: 02103.884.927; Fax:02103.884.929);

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng kế hoạch chiến lược – Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: + Mr Chiêm – Phó phòng kế hoạch chiến lược (SĐT: 0983350854);

+ Mr Minh - Phòng kế hoạch chiến lược (SĐT: 0963379336).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá

1.1. Kiểm tra Thư chào giá

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;
- b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá

Thư chào giá của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Thư chào giá;
- b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;
- đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng của nhà cung cấp;

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
2.1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến thời điểm chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 10
	Năng lực tài chính			

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà cung cấp phải đáp ứng	
2.2	Kết quả hoạt động tài chính	Nộp báo cáo tài chính các năm 2018, 2019, 2020 để cung cấp thông tin chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà cung cấp. Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm gần nhất phải dương.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 11
2.3	Cam kết đủ năng lực tài chính để thực hiện gói mua sắm	Bản cam kết có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho Bên A và không yêu cầu tạm ứng cho đến khi hàng hóa được bàn giao nghiệm thu và có đủ hồ sơ thanh toán được hai Bên ký.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
Năng lực kinh nghiệm				
2.4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	Có ít nhất 01 hợp đồng giá trị ≥ 400 triệu đồng thực hiện từ năm 2018 đến nay có nội dung công việc tương tự như nội dung công việc của gói mua sắm.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 09
2.5	Nhà cung cấp phụ	- Trường hợp nhà cung cấp chính cần sử dụng nhà cung cấp phụ thì phải kê khai danh sách nhà cung cấp phụ. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà cung cấp phụ thực hiện	Phải thỏa mãn yêu cầu này (áp dụng đối với nhà cung cấp sử dụng nhà cung cấp phụ)	Mẫu số 07a

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật TCDG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu cụ thể như sau:

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
I	Kiểm tra các động cơ 6kV			
1	Động cơ 6KV: 02.02, 12/16.02, 12/16.04, 12/16.16, 12/16.20, 19.04, 19.09, 15a.14, 24.14, 24.28.	Đo, kiểm tra tiếp địa, dây đẳng thế chống nhiễu thiết bị, các bộ bảo rung, tín hiệu giám sát nhiệt độ, chất lượng điện áp, sóng hài.	- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV. - Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.	-Không có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV. - Không đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động không ổn định, không đảm

Bac

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
				bảo tính năng làm việc của thiết bị.
II	Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện			
2	MBA lọc bụi tĩnh điện: 12/16.19AC1; 12/16.19AC2; 15a.13AC1; 15a.13AC2; 15a.13AC3.	- Đo đặc kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong, ngoài của máy biến áp lọc bụi: Hệ thống Diode cao áp, Cầu điện trở phân áp, mạch phục hồi cao áp. - Sửa chữa hỏng hóc tiềm ẩn. - Đưa ra khuyến cáo về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng thiết bị nếu cần.	- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện. - Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.	- Không có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện. - Không đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Không có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động không ổn định, không đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.
III	Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.			
1	Máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10	- Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 03 pha 6/0.4kV. - Thí nghiệm, kiểm định cầu dao cách ly máy biến áp - Thí nghiệm tính chất hóa học mẫu dầu cách điện. - Thí nghiệm điện áp xuyên thủng	- Có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv. - Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định.	- Không có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv. - Không thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Không có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định.
2	Thí nghiệm, kiểm định máy cắt 6kV	- Thí nghiệm máy cắt chân không 3 pha ($U \leq 35kV$) - Hợp bộ rơ le bảo vệ quá dòng máy biến áp kỹ thuật số bao gồm các chức năng: + Bảo vệ quá dòng có thời gian + Bảo vệ quá dòng chạm đất - Kiểm tra mạch bảo vệ - Thí nghiệm mạch điều khiển máy cắt 3 pha - Thí nghiệm mạch dòng điện (Cuộn nhị thứ của biến dòng) từ máy cắt 6kV	- Dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định. - Cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định. - Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.	- Không dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định. - Không cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định. - Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động không ổn định, không đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.
3	Thí nghiệm, kiểm định chống sét van 6kV	- Đo điện trở cách điện - Thử cao áp, kiểm tra dòng rò		
		Chào đủ số lượng, gói theo yêu cầu	Chào đủ	Chào thiếu

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
		Thời gian bảo hành : 06 tháng kể từ ngày thiết bị đưa vào sử dụng, chạy thực tế.	Đạt $\geq$ 06 tháng kể từ ngày thiết bị đưa vào sử dụng, chạy thực tế.	Không đạt $<$ 06 tháng kể từ ngày thiết bị đưa vào sử dụng, chạy thực tế.
		- Cam kết cán bộ, công nhân viên, thực hiện gói mua sắm đã được huấn luyện về công tác an toàn lao động và thông suốt các quy định & nội quy an toàn khi làm việc tại công trường và có giấy tờ chứng minh xét nghiệm COVID-19 âm tính (còn hiệu lực). - Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này; - Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm;	Có cam kết đáp ứng yêu cầu	Không có cam kết hoặc không cam kết theo yêu cầu
		* Yêu cầu kỹ thuật, điều kiện nghiệm thu: 2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng: * Có biện pháp thi công, biện pháp an toàn, bố trí nhân lực, bảng tiến độ thực hiện đối với từng nội dung công việc được phê duyệt trước khi thực hiện sửa chữa * Có biên bản khảo sát nội dung công việc thực hiện. * Tuân thủ đúng biện pháp thi công, các quy trình, quy phạm, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi thực hiện sửa chữa * Có đủ năng lực pháp nhân thực hiện thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện cao áp theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Nhà nước * Có đủ biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định vào thiết bị sau khi thực hiện xong * Thiết bị sau khi thí nghiệm, kiểm định đạt yêu cầu được đưa vào sử dụng an toàn, không bị rò rỉ dầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành. * Đảm bảo về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này; * Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm; + Kiểm tra các động cơ 6kV - Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV. - Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị. + Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện - Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện. - Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục. - Có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng. - Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị. + Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van. - Có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv. - Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định. Dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định. - Cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định. - Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.	Có cam kết đáp ứng điều kiện nghiệm thu của Bên mời chào giá	Không có cam kết

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Mức độ đáp ứng	
			Đạt	Không đạt
		2.2. Điều kiện nghiệm thu: a. Trường hợp Bên B thực hiện đảm bảo yêu cầu tại mục 2.1 nêu trên, Hai Bên sẽ tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng. b. Trường hợp Bên B giao hàng cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc của mình trong thời gian không quá 03 ngày. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc Bên B chịu.		
		Tiến độ thực hiện: Trong vòng 07 ngày theo kế hoạch sửa chữa đợt II năm 2021 của Bên A được phê duyệt. Trước khi thực hiện 05 ngày, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian thực hiện.	Có cam kết đáp ứng tiến độ thực hiện nội dung công việc theo kế hoạch sửa chữa của Bên mời chào giá	Không có cam kết
		Đáp ứng	Đạt tất cả các nội dung nêu trên	
		Không đáp ứng	Không đạt bất kỳ nội dung nào nêu trên	

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu cơ bản đều được đánh giá là “đạt”.

Nhà cung cấp có thể đến hiện trường để khảo sát thiết bị của Bên mời chào giá. Chi phí khảo sát do nhà cung cấp chịu.

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhậccung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

ĐƠN CHÀO HÀNG⁽¹⁾

Ngày: ____ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van.

Tên phương án mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá*]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số ____ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]⁽²⁾ cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.
 2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.
 4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.
 5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.
- Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.
- Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày⁽⁴⁾, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽⁶⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).
- (2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.
- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.
- (4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.
- (5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của _ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại _ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho _ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc Phương án mua sắm _ [Ghi tên Phương án mua sắm] do _ [Ghi tên bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] ⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Kiểm tra các động cơ 6kV					
1	Động cơ 6KV: 02.02, 12/16.02, 12/16.04, 12/16.16, 12/16.20, 19.04, 19.09, 15a.14, 24.14, 24.28.	Đo, kiểm tra tiếp địa, dây đẳng thế chống nhiễu thiết bị, các bộ bảo rung, tín hiệu giám sát nhiệt độ, chất lượng điện áp, sóng hài.	Gói	01		
II	Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện					
2	MBA lọc bụi tĩnh điện: 12/16.19AC1; 12/16.19AC2; 15a.13AC1; 15a.13AC2; 15a.13AC3.	- Đo đặc kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong, ngoài của máy biến áp lọc bụi: Hệ thống Diode cao áp, Cầu điện trở phân áp, mạch phục hồi cao áp. - Sửa chữa hỏng hóc tiềm ẩn. - Đưa ra khuyến cáo về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng thiết bị nếu cần.	Máy	05		
III	Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.					
1	Máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10	- Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 03 pha 6/0.4kV. - Thí nghiệm, kiểm định cầu dao cách ly máy biến áp - Thí nghiệm tính chất hóa học mẫu dầu cách điện. - Thí nghiệm điện áp xuyên thủng	Máy	02		
2	Thí nghiệm, kiểm định máy cắt 6kV	- Thí nghiệm máy cắt chân không 3 pha ($U \leq 35kV$) - Hộp bộ rơ le bảo vệ quá dòng máy biến áp kỹ thuật số bao gồm các chức năng: + Bảo vệ quá dòng có thời gian + Bảo vệ quá dòng chạm đất - Kiểm tra mạch bảo vệ - Thí nghiệm mạch điều khiển máy cắt 3 pha - Thí nghiệm mạch dòng điện (Cuộn nhĩ thứ của biến dòng) từ máy cắt 6kV	Máy	24		
3	Thí nghiệm, kiểm định chống sét van 6kV	- Đo điện trở cách điện - Thử cao áp, kiểm tra dòng rò	Quả	72		
A	Tổng giá trị trước thuế					
B	Thuế GTGT 10%					
C	Tổng giá trị sau thuế					

(Bằng chữ:.....)

Giá trên đã bao gồm các chi phí: Chi phí liên quan đến ăn, ở, ngủ, nghỉ, đi lại của Bên B trong thời gian thực hiện công việc dịch vụ do Bên B chịu trách nhiệm, thuế GTGT 10%, không bao gồm chi phí thay thế vật tư, giao hàng/ thi công lắp đặt tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- + Trong biểu giá cần nêu rõ: Các điều kiện Tài chính- Thương mại có liên quan.
- + Khi chào giá, nhà cung cấp phải nêu rõ hãng sản xuất, xuất xứ.

BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà cung cấp phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ (nếu có) ⁽⁶⁾
1					
2					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà cung cấp phụ thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên nhà cung cấp phụ.

(3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà cung cấp phụ.

(4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà cung cấp phụ.

(5) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá chào.

(6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ (nếu có), nhà cung cấp phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]

Tên Phương án mua sắm: _____ [Ghi tên PAMS]

Kính gửi: [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____ [Ghi tên bên mời chào giá] phát hành, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại _____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

* Yêu cầu kỹ thuật, điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

- * Có biện pháp thi công, biện pháp an toàn, bố trí nhân lực, bảng tiến độ thực hiện đối với từng nội dung công việc được phê duyệt trước khi thực hiện sửa chữa
- * Có biên bản khảo sát nội dung công việc thực hiện.
- * Tuân thủ đúng biện pháp thi công, các quy trình, quy phạm, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi thực hiện sửa chữa
- * Có đủ năng lực pháp nhân thực hiện thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện cao áp theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Nhà nước
- * Có đủ biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định vào thiết bị sau khi thực hiện xong
- * Thiết bị sau khi thí nghiệm, kiểm định đạt yêu cầu được đưa vào sử dụng an toàn, không bị rò dầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành.
- * Đảm bảo về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này;
- * Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm;

+ Kiểm tra các động cơ 6kV

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV.
- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.
- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện.
- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.
- Có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.
- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.

- Có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv.
- Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định. Dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định.
- Cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định.
- Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

a. Trường hợp Bên B thực hiện đảm bảo yêu cầu tại mục 2.1 nêu trên, Hai Bên sẽ tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

b. Trường hợp Bên B giao hàng cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc của mình trong thời gian không quá 03 ngày. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc Bên B chịu.

+ Điều kiện bảo hành: 06 tháng kể từ ngày thiết bị đưa vào sử dụng, chạy thực tế

+ Cam kết có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện việc cung cấp hàng hóa cho Bên A và không yêu cầu tạm ứng cho đến khi hàng hóa được bàn giao nghiệm thu và có đủ hồ sơ thanh toán được hai Bên ký..

- Cam kết cán bộ, công nhân viên, thực hiện gói mua sắm đã được huấn luyện về công tác an toàn lao động và thông suốt các quy định & nội quy an toàn khi làm việc tại công trường và có giấy tờ chứng minh xét nghiệm COVID-19 âm tính (còn hiệu lực).

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này;

- Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm;

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]	
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]	
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]	
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]	
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]	
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]	
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]	
E-mail:		
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	[ghi thông tin phù hợp]	
2. Về giá trị	[ghi số tiền bằng VND]	
3. Về quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]	
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX			
☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.			
☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm__ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Bên mời chào giá: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSĐX sẽ bị loại.

Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP⁽¹⁾

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 03 năm ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán
Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất⁽⁴⁾, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau: - Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh. - Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2), (4) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp sẽ chia tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL
I	Kiểm tra các động cơ 6kV			
1	Động cơ 6KV: 02.02, 12/16.02, 12/16.04, 12/16.16, 12/16.20, 19.04, 19.09, 15a.14, 24.14, 24.28.	Đo, kiểm tra tiếp địa, dây đẳng thế chống nhiễu thiết bị, các bộ bảo rung, tín hiệu giám sát nhiệt độ, chất lượng điện áp, sóng hài.	Gói	01
II	Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện			
2	MBA lọc bụi tĩnh điện: 12/16.19AC1; 12/16.19AC2; 15a.13AC1; 15a.13AC2; 15a.13AC3.	- Đo đặc kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong, ngoài của máy biến áp lọc bụi: Hệ thống Diode cao áp, Cầu điện trở phân áp, mạch phục hồi cao áp... - Sửa chữa hỏng hóc tiềm ẩn. - Đưa ra khuyến cáo về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng thiết bị nếu cần.	Máy	05
III	Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.			
1	Máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10	- Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 03 pha 6/0.4kV. - Thí nghiệm, kiểm định cầu dao cách ly máy biến áp - Thí nghiệm tính chất hóa học mẫu dầu cách điện. - Thí nghiệm điện áp xuyên thủng	Máy	02
2	Thí nghiệm, kiểm định máy cắt 6kV	- Thí nghiệm máy cắt chân không 3 pha ($U \leq 35kV$) - Hợp bộ rơ le bảo vệ quá dòng máy biến áp kỹ thuật số bao gồm các chức năng: + Bảo vệ quá dòng có thời gian + Bảo vệ quá dòng chạm đất - Kiểm tra mạch bảo vệ - Thí nghiệm mạch điều khiển máy cắt 3 pha - Thí nghiệm mạch dòng điện (Cuộn nhĩ thứ của biến dòng) từ máy cắt 6kV	Máy	24
3	Thí nghiệm, kiểm định chống sét van 6kV	- Đo điện trở cách điện - Thử cao áp, kiểm tra dòng rò	Quả	72

Mục 2. Thời gian thực hiện.

- Thời gian giao hàng: Trong vòng 07 ngày theo kế hoạch sửa chữa đợt II năm 2021 của Bên A được phê duyệt.

Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL
I	Kiểm tra các động cơ 6kV			
1	Động cơ 6KV: 02.02, 12/16.02, 12/16.04, 12/16.16, 12/16.20, 19.04, 19.09, 15a.14, 24.14, 24.28.	Đo, kiểm tra tiếp địa, dây đẳng thế chống nhiễu thiết bị, các bộ bảo rung, tín hiệu giám sát nhiệt độ, chất lượng điện áp, sóng hài.	Gói	01
II	Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện			
2	MBA lọc bụi tĩnh điện: 12/16.19AC1; 12/16.19AC2; 15a.13AC1; 15a.13AC2; 15a.13AC3.	- Đo đặc kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong, ngoài của máy biến áp lọc bụi: Hệ thống Diode cao áp, Cầu điện trở phân áp, mạch phục hồi cao áp. - Sửa chữa hỏng hóc tiềm ẩn. - Đưa ra khuyến cáo về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng thiết bị nếu cần.	Máy	05
III	Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.			
1	Máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10	- Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 03 pha 6/0.4kV. - Thí nghiệm, kiểm định cầu dao cách ly máy biến áp - Thí nghiệm tính chất hóa học mẫu dầu cách điện. - Thí nghiệm điện áp xuyên thủng	Máy	02
2	Thí nghiệm, kiểm định máy cắt 6kV	- Thí nghiệm máy cắt chân không 3 pha ($U \leq 35kV$) - Hợp bộ rơ le bảo vệ quá dòng máy biến áp kỹ thuật số bao gồm các chức năng: + Bảo vệ quá dòng có thời gian + Bảo vệ quá dòng chạm đất - Kiểm tra mạch bảo vệ - Thí nghiệm mạch điều khiển máy cắt 3 pha - Thí nghiệm mạch dòng điện (Cuộn nhử thứ của biến dòng) từ máy cắt 6kV	Máy	24
3	Thí nghiệm, kiểm định chống sét van 6kV	- Đo điện trở cách điện - Thử cao áp, kiểm tra dòng rò	Quả	72

* Yêu cầu kỹ thuật, điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

* Có biện pháp thi công, biện pháp an toàn, bố trí nhân lực, bảng tiến độ thực hiện đối với từng nội dung công việc được phê duyệt trước khi thực hiện sửa chữa

* Có biên bản khảo sát nội dung công việc thực hiện.

* Tuân thủ đúng biện pháp thi công, các quy trình, quy phạm, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi thực hiện sửa chữa

* Có đủ năng lực pháp nhân thực hiện thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện cao áp theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Nhà nước

* Có đủ biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định vào thiết bị sau khi thực hiện xong

* Thiết bị sau khi thí nghiệm, kiểm định đạt yêu cầu được đưa vào sử dụng an toàn, không bị rò rỉ dầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành.

* Đảm bảo về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này;

* Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm;

+ Kiểm tra các động cơ 6kV

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV.

- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.

- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện.

- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.

- Có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.

- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.

- Có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv.

- Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định. Dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định.

- Cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định.

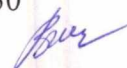
- Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL
a. Trường hợp Bên B thực hiện đảm bảo yêu cầu tại mục 2.1 nêu trên, Hai Bên sẽ tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.				
b. Trường hợp Bên B giao hàng cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc của mình trong thời gian không quá 03 ngày. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc Bên B chịu.				
Tiến độ thực hiện: Trong vòng 07 ngày theo kế hoạch sửa chữa đợt II năm 2021 của Bên A được phê duyệt. Trước khi thực hiện 05 ngày, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian thực hiện.				
Thời gian bảo hành: 06 tháng kể từ khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng				

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: /2021/HĐKT

V/v: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van (Ký hiệu: XMST/2021/KTTN)

Căn cứ Bộ luật dân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ Luật Thương mại của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006;

Căn cứ biên bản thương thảo ngày / /2021 giữa Hai Bên;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2021 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao về việc Phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp gói mua sắm: Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van (Ký hiệu: XMST/2021/KTTN)

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

Hôm nay, ngày / /2021, tại Vicem Sông Thao, chúng tôi gồm:

I. ĐẠI DIỆN BÊN A (BÊN MUA):

- Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
- Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
- Người đại diện : Ông Nguyễn Quang Huy - Chức vụ: **Tổng giám đốc**
- Điện thoại : (0210) 3884 927
- Fax : (0210) 3884 929
- Tài khoản số : 115000040144, tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Chi nhánh Bắc Phú Thọ
- Mã số thuế : 2600279082

II. ĐẠI DIỆN BÊN B (BÊN BÁN)

- Tên đơn vị :
- Địa chỉ :
- Điện thoại :
- Fax :
- Tài khoản :
- Ngân hàng :
- Mã số thuế :
- Đại diện : Ông (Bà)- Chức vụ :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1: Nội dung Hợp đồng:

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán Kiểm tra các động cơ 6KV, kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện, thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, hệ thống máy cắt 6KV, hệ thống chống sét van (*sau đây gọi là hàng hóa*) với danh mục, quy cách, số lượng, đơn giá và giá trị Hợp đồng cụ thể như sau:

1.1. Giá trị Hợp đồng :đồng

(Bằng chữ :)

Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Kiểm tra các động cơ 6kV					
1	Động cơ 6KV: 02.02, 12/16.02, 12/16.04, 12/16.16, 12/16.20, 19.04, 19.09, 15a.14, 24.14, 24.28.	Đo, kiểm tra tiếp địa, dây đẳng thế chống nhiễu thiết bị, các bộ bảo rung, tín hiệu giám sát nhiệt độ, chất lượng điện áp, sóng hài.	Gói	01		
II	Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện					
2	MBA lọc bụi tĩnh điện: 12/16.19AC1; 12/16.19AC2; 15a.13AC1; 15a.13AC2; 15a.13AC3.	- Đo đặc kiểm tra đánh giá tình trạng bên trong, ngoài của máy biến áp lọc bụi: Hệ thống Diode cao áp, Cầu điện trở phân áp, mạch phục hồi cao áp. - Sửa chữa hỏng hóc tiềm ẩn. - Đưa ra khuyến cáo về vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa phù hợp với từng thiết bị nếu cần.	Máy	05		
III	Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.					
1	Máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10	- Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 03 pha 6/0.4kV. - Thí nghiệm, kiểm định cầu dao cách ly máy biến áp - Thí nghiệm tính chất hóa học mẫu dầu cách điện. - Thí nghiệm điện áp xuyên thủng	Máy	02		
2	Thí nghiệm, kiểm định máy cắt 6kV	- Thí nghiệm máy cắt chân không 3 pha ($U \leq 35kV$) - Hợp bộ rơ le bảo vệ quá dòng máy biến áp kỹ thuật số bao gồm các chức năng: + Bảo vệ quá dòng có thời gian + Bảo vệ quá dòng chạm đất - Kiểm tra mạch bảo vệ - Thí nghiệm mạch điều khiển máy cắt 3 pha - Thí nghiệm mạch dòng điện (Cuộn nhĩ thứ của biến dòng) tủ máy cắt 6kV	Máy	24		

Stt	Hạng mục thiết bị	Nội dung công việc	Đvt	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
3	Thí nghiệm, kiểm định chống sét van 6kV	- Đo điện trở cách điện - Thử cao áp, kiểm tra dòng rò	Quả	72		
A	Tổng giá trị trước thuế					
B	Thuế GTGT 10%					
C	Tổng giá trị sau thuế					

Giá trên đã bao gồm các chi phí: Chi phí liên quan đến ăn, ở, ngủ, nghỉ, đi lại của Bên B trong thời gian thực hiện công việc dịch vụ do Bên B chịu trách nhiệm, thuế GTGT 10%, không bao gồm chi phí thay thế vật tư.

1.2. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

Điều 2: Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:

2.1. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng:

* Có biện pháp thi công, biện pháp an toàn, bố trí nhân lực, bảng tiến độ thực hiện đối với từng nội dung công việc được phê duyệt trước khi thực hiện sửa chữa

* Có biên bản khảo sát nội dung công việc thực hiện.

* Tuân thủ đúng biện pháp thi công, các quy trình, quy phạm, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị khi thực hiện sửa chữa

* Có đủ năng lực pháp nhân thực hiện thí nghiệm, kiểm định thiết bị điện cao áp theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định hiện hành của Nhà nước

* Có đủ biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định và dán tem kiểm định vào thiết bị sau khi thực hiện xong

* Thiết bị sau khi thí nghiệm, kiểm định đạt yêu cầu được đưa vào sử dụng an toàn, không bị rò dầu, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật vận hành.

* Đảm bảo về an toàn cho người, thiết bị của Bên B và các bên liên quan trong quá trình thực hiện gói mua sắm này;

* Trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động và môi trường, thực hiện đúng các quy định về phòng chống dịch bệnh của Công ty và của nhà nước khi thực hiện gói mua sắm;

+ Kiểm tra các động cơ 6kV

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các động cơ 6kV.
- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.
- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Kiểm tra máy biến áp lọc bụi tĩnh điện

- Có báo cáo kết quả đo, kiểm tra các máy biến áp lọc bụi tĩnh điện.
- Đưa ra các khuyến cáo, các phương pháp khắc phục.
- Có đầy đủ các biên bản thí nghiệm máy biến áp sau khi kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng.

- Các thiết bị sau khi kiểm tra và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

+ Thí nghiệm, kiểm định máy biến áp 6/0.4KV trạm S9, S10, máy cắt 6KV, Chống sét van.

- Có đủ năng lực pháp lý trong việc thí nghiệm các thiết bị điện 6Kv.
- Thực hiện thí nghiệm, kiểm tra, hiệu chỉnh theo các tiêu chuẩn, quy phạm kỹ thuật hiện hành của Nhà nước. Có đầy đủ kết quả biên bản thí nghiệm, biên bản kiểm định. Dán tem vào thiết bị sau khi kiểm định.
- Cấp đầy đủ giấy chứng nhận cho các thiết bị đã được kiểm định.
- Các thiết bị sau khi kiểm định và đưa vào sử dụng hoạt động ổn định, đảm bảo tính năng làm việc của thiết bị.

2.2. Điều kiện nghiệm thu:

a. Trường hợp Bên B thực hiện đảm bảo yêu cầu tại Khoản 2.1 - Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên sẽ tiến hành ký Biên bản nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

b. Trường hợp Bên B giao hàng cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc của mình trong thời gian không quá 02 ngày. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc Bên B chịu.

- Trường hợp Bên B thực hiện công việc cho Bên A không đạt yêu cầu thì Bên A sẽ không nghiệm thu và Bên B có trách nhiệm thực hiện lại công việc đảm bảo chất lượng không quá 03 ngày. Mọi chi phí phát sinh do thực hiện công việc do Bên B chịu.

Điều 3: Thời gian, địa điểm giao hàng, phương thức giao nhận:

3.1. Thời gian thực hiện: Trong vòng 07 ngày theo kế hoạch sửa chữa đợt II năm 2021 của Bên A được phê duyệt.

Trước khi thực hiện 05 ngày, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản (fax, điện thoại) về thời gian thực hiện.

3.2. Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy của bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Điều 4: Phương thức thanh, quyết toán:

4.1. Quyết toán Hợp đồng:

Trên cơ sở biên bản hoàn thành công việc, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng được A-B ký, Hai bên tiến hành lập hồ sơ quyết toán Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận Hồ sơ quyết toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B, hóa đơn GTGT theo quy định. Bên A sẽ thanh toán 95% giá trị quyết toán cho Bên B và giữ lại 5% giá trị quyết toán để bảo hành.

4.2. Thanh lý Hợp đồng:

a. Khi hết thời gian bảo hành theo quy định tại Điều 7 và đã được xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (nếu có). Hai Bên tiến hành lập biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành được A-B ký, Bên A sẽ thanh toán nốt số tiền giữ lại để bảo hành cho Bên B.

b. Hợp đồng tự động được thanh lý sau khi Hai Bên thực hiện xong các nghĩa vụ của mình và không còn vướng mắc gì.

4.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

4.4. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5: Trách nhiệm Các Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Bàn giao thiết bị cần thí nghiệm, kiểm định và cung cấp các thông tin cần thiết để Bên B tiến hành công việc thuộc phạm vi Hợp đồng này.

b. Phối hợp với Bên B trong quá trình thí nghiệm, kiểm định thiết bị và thống nhất chất lượng của dịch vụ thí nghiệm, kiểm định để nghiệm thu công việc cho Bên B theo quy định tại Điều 1, Điều 2 của Hợp đồng.

c. Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng và phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian thực hiện Hợp đồng và xử lý các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành.

d. Thanh toán cho Bên B đúng theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Cử người có đủ năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm tới địa điểm của Bên A để thực hiện dịch vụ thí nghiệm, kiểm định. Thực hiện công việc theo quy định tại Điều 1 của Hợp đồng.

b. Bố trí nhân lực, máy móc thiết bị để thực hiện công việc thuộc phạm vi của Hợp đồng và tư vấn cho Bên A thay thế các linh kiện, phụ tùng và vật tư hư hỏng phát sinh trong quá trình sửa chữa.

c. Phải lập báo cáo chi tiết về công việc thí nghiệm, kiểm định đã tiến hành (có xác nhận của cán bộ kỹ thuật Hai Bên) để làm cơ sở nghiệm thu công việc giữa Hai Bên sau khi kết thúc công việc.

d. Kết hợp cùng với cán bộ kỹ thuật Bên A để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

e. Thực hiện đúng các quy định, quy chế an toàn, vệ sinh lao động, đảm bảo ninh trật tự, vệ sinh môi trường cho người và thiết bị trong quá trình thực hiện công việc. Nếu xảy ra tai nạn lao động, tình trạng mất an toàn, an ninh trật tự hoặc gây ô nhiễm môi trường thì Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm.

f. Cung cấp hoá đơn GTGT theo quy định của Bộ Tài Chính.

g. Thực hiện bảo hành công việc theo qui định tại Điều 6 của Hợp đồng.

Điều 6: Về xử phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại:

6.1. Xử phạt vi phạm Hợp đồng:

a. **Đối với Bên B:** Bên B bị xử phạt khi vi phạm vào các điều kiện quy định của Hợp đồng, cụ thể như sau:

6.1. Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ sẽ phải chịu phạt 2% giá trị Hợp đồng /01 ngày thực hiện chậm và thời gian chậm không quá 02 ngày. Nếu thời gian chậm quá 02 ngày Bên A có quyền hủy Hợp đồng và đồng thời Bên B phải chịu phạt 5% giá trị Hợp đồng.

6.2. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Phú Thọ trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

6.2. Bồi thường thiệt hại:

Ngoài việc Bên B phải bồi thường thiệt hại do Bên B thực hiện chậm quá thời gian qui định, tại Điểm a- Khoản 6.1 – Điều 6 của Hợp đồng nêu trên, thì khi Bên A bị thiệt hại được xác định do lỗi của Bên B gây ra như: cung cấp hàng hóa không đảm bảo chất lượng, cấp thiếu hàng, cấp hàng chậm quá thời gian qui định, không thực hiện đầy đủ

trách nhiệm trong thời gian bảo hành theo qui định....làm ảnh hưởng đến sản xuất và gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B còn phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại Bên B gây ra và sẽ do Hai Bên thỏa thuận

Điều 7: Bảo hành hàng hóa:

7.1. Thời gian bảo hành:

7.1. Thời gian bảo hành: 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu và bàn giao đưa vào sử dụng.

7.2. Bảo hành đối với các lỗi được Bên B thực hiện, không bảo hành các lỗi do tuổi thọ của thiết bị.

7.3. Trong thời gian bảo hành Bên B có trách nhiệm sửa chữa thiết bị được phát hiện là hỏng do lỗi của Bên B, mọi chi phí phát sinh trong thời gian bảo hành do Bên B chịu.

7.4. Trong thời gian bảo hành, Bên B bằng chi phí của mình có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa các lỗi được phát hiện là hỏng do công tác sửa chữa trong vòng 48 giờ kể từ khi nhận được thông báo của Bên A.

7.5. Nếu sau 48 giờ, kể từ khi nhận được thông báo của Bên A mà Bên B không thực hiện công tác bảo hành thì Bên A tự khắc phục hoặc thay mới hàng hóa. Khi đó mọi chi phí để khắc phục hoặc thay mới hàng hóa nêu trên, Bên B có trách nhiệm bồi thường cho Bên A.

7.6. Các dịch vụ bảo hành không được áp dụng cho các hỏng hóc do lỗi thuộc về Bên A như: Các trường hợp bất khả kháng hoặc do lỗi cố ý khác, những hư hỏng do nguyên nhân bất khả kháng hoặc chế độ làm việc không phù hợp, vận hành sai quy trình.

Điều 8. Bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được, nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ví dụ như hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, nổi loạn, tội phạm, thiên tai, dịch họa, dịch bệnh.... Việc thực hiện những nghĩa vụ Hợp đồng có thể được kéo dài bằng khoảng thời gian xảy ra các hiện tượng bất khả kháng trên và việc kéo dài này sẽ không áp dụng điều khoản phạt Hợp đồng và bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ như qui định tại Điều 6 của Hợp đồng.

Điều 9: Điều khoản chung:

9.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc, Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc, Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

9.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Nguyễn Quang Huy
Tổng giám đốc

Họ và tên
Chức vụ